TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 47

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 413, 431, 313, 414 là:

A. 313 **B.** 431 **C.** 413 **D.** 414

Câu 2. *(0,5 điểm)* Phép chia 44 : 5 có số dư là:

A. 8 **B.** 6 **C.** 1 **D.** 4

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 7 × 8 là:

A. 15 **B.** 63 **C.** 56 **D.** 48

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giảm 49 đi 7 lần được:

A. 8 **B.** 7 **C.** 42 **D.** 343

Câu 5. *(0,5 điểm)* Gấp 7 lên 5 lần được:

A. 40 **B.** 12 **C.** 35 **D.** 42

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần ba (1/3) của 24 cm là:

A. 72 cm **B.** 8 cm **C.** 10 cm **D.** 21 cm

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3 m 5 cm = …… cm

A. 305 **B.** 3005 **C.** 350 **D.** 35

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tròn có bán kính 14 mm. Đường kính của hình tròn đó là:

A. 28 mm **B.** 14 mm **C.** 16 mm **D.** 56 mm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 5 = 35

b) …… : 9 = 40

c) …… − 192 = 227

d) 36 : …… = 6

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 4 × 4 …… 18

b) 1 cm …… 11 mm

c) 6 m 3 cm …… 603 cm

d) 1/6 của 30 …… 1/5 của 35

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 18 lên 3 lần: ……

b) Giảm 9 đi 3 lần: ……

c) 6 thêm 8 đơn vị: ……

d) Gấp 6 lên 8 lần: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m = …… dm

b) 6 l = …… ml

c) 6 m 7 dm = …… dm

d) 80 mm = …… cm

Câu 13. *(1 điểm)* Tính:

a) 539 g + 351 g = …… g

b) 558 ml − 211 ml = …… ml

c) 179 mm × 2 = …… mm

d) 504 kg : 9 = …… kg

Câu 14. *(1 điểm)* Quân có 4 nhãn vở, Linh có 28 nhãn vở. Hỏi số nhãn vở của Linh gấp mấy lần số nhãn vở của Quân?

a) Trả lời: …… lần

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 47

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	C	B	C	B	A	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 35 : 5 = 7

b) 40 × 9 = 360

c) 227 + 192 = 419

d) 36 : 6 = 6

Câu 10.

a) 4 × 4 = 16 nên điền dấu «<»

b) 1 cm = 10 mm nên điền dấu «<»

c) 6 m 3 cm = 603 cm nên điền dấu «=»

d) 1/6 của 30 là 5; 1/5 của 35 là 7 nên điền dấu «<»

Câu 11.

a) 18 × 3 = 54

b) 9 : 3 = 3

c) 6 + 8 = 14

d) 6 × 8 = 48

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Câu 12.

a) 2 m = 20 dm (vì 1 m = 10 dm)

b) 6 l = 6000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

c) 6 m 7 dm = 67 dm (vì 1 m = 10 dm)

d) 80 mm = 8 cm (vì 10 mm = 1 cm)

Câu 13.

a) 890 g

b) 347 ml

c) 358 mm

d) 56 kg

Câu 14.

28 : 4 = 7 (lần)